

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2024 – 2025**

TÂY NINH - (NĂM 2025)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2024 – 2025**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ngô Khắc Đức	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Bá Thơm	P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Quốc Toàn	P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Hữu Nhuận	Thư ký HĐ	Thư ký	
5	Võ Thị Ngọc Linh	Tổ trưởng Tổ VP	Thành viên	
6	Nguyễn Công Quang	Giáo viên Tin học	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	6
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	6
Mở đầu	6
Tiêu chí 1.1.	6
Tiêu chí 1.2	8
Tiêu chí 1.3	9
Tiêu chí 1.4	10
Tiêu chí 1.5	12
Tiêu chí 1.6	13
Tiêu chí 1.7	14
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	16
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 2.1	16
Tiêu chí 2.2	17
Tiêu chí 2.3	18
Tiêu chí 2.4	19
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo</i>	20
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	21

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Kết quả đạt			
	Mức độ đạt	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học				
Tiêu chí 1.1	X			
Tiêu chí 1.2	X			
Tiêu chí 1.3				X
Tiêu chí 1.4				X
Tiêu chí 1.5				X
Tiêu chí 1.6				X
Tiêu chí 1.7				X
2. Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục				
Tiêu chí 2.1	X			
Tiêu chí 2.2	X			
Tiêu chí 2.3				X
Tiêu chí 2.4				X

2. Kết luận: Đạt mức độ 3.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: **TÂY NINH.**

Xã/phường: **TÂN NINH.**

Điện thoại: 0276. 3822860. Fax: /

Email: c3hoanglekha.tayninh@moet.edu.vn; Website: hlk.edu.vn.

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3.

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

1.1. Số liệu học sinh, lớp, dân tộc

Khối lớp	Số lớp			Số học sinh		Dân tộc		Ghi chú
	Tổng số	Lớp chuyên	Lớp không chuyên	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	
10	9	9	0	289	144	1	0	1 dân tộc Hoa
11	10	8	2	359	216	9	5	7 dân tộc Hoa, 2 dân tộc khác (Hàn Quốc)
12	10	8	2	350	197	6	5	3 dân tộc Hoa, 1 dân tộc Nùng, 1 dân tộc Khơ-me, 1 dân tộc Sán Dìu
Cộng	29	25	4	998	557	16	10	

1.2. Số liệu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

	Tổng số	Nữ	Dân tộc		Trình độ đào tạo			Ghi chú
			TS	Nữ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	0	
Giáo viên	75	39	2	1	46	29	0	2 dân tộc Khơ-me
Nhân viên	12	7	0	0	1	2	4	Có 4 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP
Cộng	90	46	2	1	50	31	5	Không tính 4 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ CNTT	Ghi chú
1	Ngô Khắc Đức	Hiệu trưởng	Chứng chỉ	
2	Lê Bá Thom	P. Hiệu trưởng	Chứng chỉ	
3	Nguyễn Quốc Toàn	P. Hiệu trưởng	Chứng chỉ	
4	Nguyễn Hữu Nhuận	Thư ký HĐ	Chứng chỉ	
5	Võ Thị Ngọc Linh	Tổ trưởng Tổ VP	Chứng chỉ	
6	Nguyễn Công Quang	Giáo viên Tin học	Đại học CNTT	
7	Nguyễn Thanh Phước	Nhân viên Giáo vụ	Chứng chỉ	
8	Trần Thanh	KTV	Đại học CNTT	

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

3.1. Cơ sở vật chất

TT	Cơ sở vật chất	Số liệu				Ghi chú
		Tổng số	Phòng kiên cố	Phòng bán kiên cố	Phòng tạm	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập					
1	Phòng học	28	27			
2	Phòng học bộ môn	12	12			
3	Khối phục vụ học tập	25	25			
II	Khối phòng hành chính - quản trị	15	15			
III	Thư viện	1	1			
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)					
1	Khu nội trú	26	26			
2	Nhà ăn (Căng tin)	1	1			

Nhà trường có diện tích khuôn viên 32.541m², có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học. Có đủ phòng dạy học 01 ca, phòng làm việc; có thư viện đạt chuẩn, phòng thực hành bộ môn, có đầy đủ thiết bị dạy học đạt chuẩn. Hệ thống hàng rào, cổng trường hoàn chỉnh, khuôn viên nhà trường rộng rãi.

3.2. Hạ tầng công nghệ thông tin: Phòng máy vi tính: 03 phòng/70 máy vi tính; Laptop, Máy tính để bàn; Thư viện số, 08 máy vi tính; Phòng học ngoại ngữ trực tuyến; Đường truyền Internet, mạng wifi phủ sóng toàn trường (Khu hành chính, khu học tập, khu nội trú).

4. Các số liệu khác (nếu có): Không.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Thuận lợi

- Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Sở GDĐT đến nhà trường (như dữ liệu của giáo viên và học sinh).

- 100% giáo viên toàn trường sử dụng CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử, xây dựng thiết bị dạy học số, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm, góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực của nhà trường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số. Năm học 2024-2025, năm học mà ngành giáo dục xác định tập trung đầu tư, tạo điều kiện cho “Chuyển đổi số - Đội ngũ giáo viên - Dạy học Ngoại ngữ” để toàn ngành phát triển và hội nhập, trong đó, lĩnh vực Chuyển đổi số tiếp tục được đặt lên hàng đầu.

1.2. Khó khăn

- Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

- Tài liệu số nội sinh còn hạn chế (bài giảng, chuyên đề, video bài giảng điện tử)

2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá khách quan, thực chất kết quả chuyển đổi số trong nhà trường; Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường; Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong thời đại kỷ nguyên số

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

- Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 02 nhóm tiêu chí, các tiêu chí theo quy định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường. Các minh chứng được thu thập và sắp xếp theo từng mã minh chứng khoa học.

- Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chuyển đổi số trường THPT theo Quyết định số 4725/QĐ- BGD.

Toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá.

- Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn, đề ra những hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

- Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị: Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số và thống kê giáo dục; Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến và Quy chế dạy học trực tuyến, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, triển khai, bám sát hỗ trợ, hướng dẫn các thành viên trong trường thực hiện tốt các nội dung thực hiện nhiệm vụ CNTT và chuyển đổi số trong năm học 2024- 2025.

- Triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên:

- + Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (gọi tắt là Quyết định 4725)

- + Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (gọi tắt là Thông tư 09);

- + Kế hoạch số 2139/KH-UBND ngày 12/07/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- + Công văn số 401/SGDĐT-KT ngày 06/02/2023 của Sở GDĐT Tây Ninh về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ- BGDDT.

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản để chỉ đạo thực hiện như:

- + Kế hoạch số 255/KH-HLK ngày 10/9/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê năm học 2024-2025 trong đó có nhiệm vụ thực hiện dạy học trực tuyến.

- + Kế hoạch số 221/KH-HLK ngày 04/9/2024 về Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

1. Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu

Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học nhằm phân tích, đánh giá các kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, việc ban hành kế hoạch dạy học trực tuyến; triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến; số lượng học liệu được số hoá; tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; hạ tầng thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.

Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

Nội dung đánh giá:

Hàng năm, có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp); ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường). Đây là điều kiện bắt buộc có.

a. Mô tả hiện trạng

- Năm học 2024-2025, nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có nội dung về việc dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp áp dụng theo Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định quản lý tổ chức dạy học trực tuyến đối với cơ sở giáo dục phổ thông. Đã phối hợp với CMHS triển khai các hoạt động học trực tuyến đảm bảo an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng.

- Ban hành Kế hoạch số 255/KH-HLK ngày 10/9/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê năm học 2024-2025 trong đó có nhiệm vụ thực hiện dạy học trực tuyến; Kế hoạch số 221/KH-HLK ngày 04/9/2024 về Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025.

b. Điểm mạnh

- BGH nhà trường luôn chú trọng công tác chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, của Sở GDĐT Tây Ninh phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

- Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch thực hiện tổ chức dạy học trực tuyến đảm bảo các nội dung quy định của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT- BGDDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh. Thực hiện kế hoạch với nội dung thiết thực phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nhà trường. 100% giáo viên nắm vững các kỹ năng, tiến trình dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến.

c. Điểm yếu

- Đã thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, tuy nhiên tiết dạy trực tuyến còn ít, chủ yếu khi trường được trưng dụng làm Hội đồng thi các kì thi học sinh giỏi các cấp.

- Việc thiết lập lưu hình ảnh minh chứng về các tiết dạy trực tuyến còn hạn chế.

d. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường sẽ đề ra các giải pháp hữu hiệu hơn để đạt chỉ tiêu đề ra.

- Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp; các tiết dạy trực tuyến được tổ chức phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện, đặc trưng của học sinh và nhà trường. Tổ chức lưu trữ minh chứng về tổ chức dạy học trực tuyến khoa học hơn.

- Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền và huy động các nguồn lực phù hợp để đầu tư, tự trang bị đủ số lượng trang thiết bị tối thiểu để tổ chức dạy học trực tuyến và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ về CNTT và chuyển đổi số.

e. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí: 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Nội dung đánh giá

Ban hành và công khai quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. (Điều kiện bắt buộc).

a. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 217/QĐ-HLK ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc Ban hành quy chế dạy học trực tuyến năm học 2024-2025 trong đó có quy định về việc tổ chức dạy và học trực tuyến đối với giáo viên, học sinh trường THPT THPT chuyên Hoàng Lê Kha.

b. Điểm mạnh

Nhà trường đã có Quy chế quy định về tổ chức dạy và học trực tuyến đối với giáo viên, học sinh; nhà trường đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của sở Giáo dục. Quy định ban hành đảm bảo các yêu cầu nội dung như:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- Hình thức dạy học trực tuyến;
- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng), tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan, học sinh, gia đình học sinh trong quá trình triển khai thực hiện;
- Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến;
- Cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến;

c. Điểm yếu: Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa ổn định.

d. Kế hoạch cải tiến

- Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên;

- Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CNTT, tìm hiểu luật an toàn thông tin để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Xây dựng quy chế tổ chức dạy học trực tuyến kịp thời bám sát các hướng dẫn chỉ đạo của cấp trên, phù hợp với điều kiện của đội ngũ, điều kiện về cơ sở vật chất của đơn vị. Quy chế cần nêu rõ và cụ thể hơn về chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến và cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi có qui định cụ thể của cấp trên.

e. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 1.3 : Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

Nội dung đánh giá

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên): Tối đa 6 điểm.
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng dưới đây không quá 6 điểm.

1. Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;
2. Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;
3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;
4. Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

Mức độ đánh giá

Mức độ 1: dưới 10 điểm. Có triển khai hệ thống, chưa áp dụng cho toàn trường, các chức năng không đầy đủ hoặc ít khai thác, dữ liệu sử dụng ít.

Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên.

Mức độ 3: trên 20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng đầy đủ. Dữ liệu sử dụng hệ thống ở mức khá trở lên.

a. Mô tả hiện trạng

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: Google Meet, Zoom Cloud Meetings, Google Classroom, Canva,...

- Giáo viên tổ chức lưu trữ, chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến tới học sinh; giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; theo dõi và hỗ trợ học sinh khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học sinh;

- Cho phép học sinh truy cập, khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giáo viên và các học sinh khác trong cùng không gian học tập;

- Cho phép nhà trường quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học sinh và các hoạt động dạy của giáo viên;

b. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên. Xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ chuyên môn.

c. Điểm yếu: Một số giáo viên chưa triển khai thường xuyên.

d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyển đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng cường sinh hoạt chuyên môn thông qua các phần mềm Zoom, Google Meet,...

- Phân công các giáo viên trẻ, giáo viên môn Tin học hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên mới vào nghề, năng lực còn hạn chế.

e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Chỉ số	Điểm đánh giá
- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp	6
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)	18
Tổng điểm: 24 điểm	

Tiêu chí: 1.4. Số lượng học liệu được số hóa

Nội dung đánh giá

Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).

Mức độ đánh giá:

Mức độ 1: dưới 4 điểm. Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.

Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm. Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.

Mức độ 3: trên 7 điểm. Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm.

a. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024-2025; Hướng dẫn triển khai xây dựng kho học liệu số và dạy học trực tuyến phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường.

- Trường đã được đầu tư thư viện điện tử với học liệu tương đối phong phú, số lượng truy cập nhiều. Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, hỗ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên nhà trường đã chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và

học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường được tổ chuyên môn **thông qua và được Hiệu trưởng phê duyệt.**

b. Điểm mạnh

- Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể CB, GV, NV về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị; Có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn giáo viên các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh đảm bảo theo quy định.

- Hầu hết giáo viên trong nhà trường ứng dụng thành thạo CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá; chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Các học liệu điện tử đều được sử dụng trong quá trình giảng dạy với HS; được lưu trữ trong Drive của nhà trường, rất thuận tiện cho việc lưu trữ, sử dụng, quản lý và kiểm tra.

- Tổng học liệu số có chất lượng được các tổ chuyên môn thông qua trên 40 học liệu.

c. Điểm yếu

Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chất lượng của 1 số học liệu còn sơ sài, chưa phong phú. Việc khai thác học liệu số còn chưa hệ thống và đồng bộ, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Trong các năm học tiếp theo để đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, nhà trường cần phải đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng CNTT (tốc độ truyền của Wifi, các thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử trong nhà trường) và đào tạo nhân lực chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng khối lớp về xây dựng học liệu đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên sử dụng các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy, học.

e. Tự đánh giá: đạt mức độ 3

Chỉ số	Điểm đánh giá
Trên 40 học liệu	10 điểm

Chỉ số	Điểm đánh giá
Tổng điểm: 10	

Tiêu chí 1.5 : Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

Nội dung đánh giá

- Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: Tối đa 15 điểm.

- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường: Tối đa 5 điểm.

Mức độ đánh giá:

Mức độ 1: dưới 8 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai dưới 30% các môn có điều kiện đáp ứng.

Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai được 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

Mức độ 3: trên 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai trên 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

a. Mô tả hiện trạng

- Có kế hoạch kiểm tra đánh giá và có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính; kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính được khoảng 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

- Có hồ sơ dữ liệu thực tế thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

b. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch kiểm tra đánh giá và có tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì trên phòng máy tính.

c. Điểm yếu

- Việc triển khai tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính chưa thực hiện cho tất cả các môn học trong năm học 2024-2025.

- 03 phòng học tin học có 70 máy tính chưa đảm bảo tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh định kỳ tập trung.

d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo, bổ sung trang thiết bị phòng học tin học đảm bảo trang bị đủ máy tính cho giáo viên, học sinh phục vụ công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng phục vụ tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trên máy tính. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

- Ban CNTT định kỳ rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục.

e. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Chỉ số	Điểm đánh giá
Có kế hoạch kiểm tra đánh giá, nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính	15
Hồ sơ dữ liệu thực tế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	5
Tổng điểm: 20 điểm	

Tiêu chí 1.6 : Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Nội dung đánh giá:

- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có tài khoản trực tuyến: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm

- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm.

- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên đã xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.

Mức độ đánh giá:

Mức độ 1: dưới 8 điểm.

Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm.

Mức độ 3: trên 14 điểm.

a. Mô tả hiện trạng

- Thực hiện các văn bản hướng dẫn của cấp trên, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai nội dung chuyển đổi số trong dạy học đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường như:

+ 100% Giáo viên có tài khoản trực tuyến trên hệ thống <https://temis.csdl.edu.vn/temis>; <https://taphuan.lms.vnedu.vn/>

+ 100% Giáo viên khai thác các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý, các khóa tập huấn hàng năm của sở giáo dục.

- Giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định tại Điều 7,

Thông tư 09.

b. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, 100% giáo viên trong nhà trường có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng, đảm bảo khai thác các phần mềm hỗ trợ học tập và có danh sách đường link của học liệu được sử dụng trong dạy học.

c. Điểm yếu

- Việc triển khai phần mềm dạy học trực tuyến chưa thể hiện rõ trên kế hoạch giáo dục của nhóm chuyên môn.

- Một số giáo viên chưa triển khai thường xuyên.

d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyển đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng cường sinh hoạt chuyên môn thông qua các phần mềm Zoom; Google Meet,...

- Phân công các giáo viên trẻ, giáo viên môn Tin học hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên mới vào nghề, năng lực còn hạn chế.

e. Tự đánh giá: đạt mức độ 3.

Chỉ số	Điểm đánh giá
100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến	7
100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7
Giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định	6
Tổng điểm: 20 điểm	

Tiêu chí: 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

Nội dung đánh giá

- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu: <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết: Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm.

- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Tối đa 5 điểm.

Mức độ đánh giá:

Mức độ 1: dưới 8 điểm.

Mức độ 2: từ 8 – 14 điểm.

Mức độ 3: trên 14 điểm.

a. Mô tả hiện trạng

- 100% các phòng học của nhà trường có ti vi thông minh, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet.

- Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý, sử dụng: sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. Hóa đơn tiền internet, sơ đồ mạng LAN, mạng Internet, thiết bị kết nối không dây, ...Sơ đồ mạng Internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng (download, upload).

- Có 03 phòng học tin học gồm 60 máy tính, kết nối mạng đầy đủ. Có đầy đủ sổ theo dõi sử dụng phòng học bộ môn Tin học. Chưa có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).

b. Điểm mạnh

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Hệ thống Internet phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường. Có đầy đủ hồ sơ quản lý, sử dụng

c. Điểm yếu

- Nhà trường chưa phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).

- Nhà trường chưa có hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng.

d. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống CNTT phục vụ cho công tác dạy và học.

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.

- Ban CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập hồ sơ cấp độ an toàn thông tin.

e. Tự đánh giá: đạt mức độ 3.

Chỉ số	Điểm đánh giá
Các phòng học có ti vi thông minh, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet.	8
Có 03 phòng học tin học gồm 70 máy tính, đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học.	7

Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).	5
Tổng điểm: 20 điểm	

Kết luận về nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy học:

Điểm mạnh:

- Nhà trường luôn chú trọng công tác chuyển đổi số, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về cơ sở vật chất và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

- Nhà trường có hợp đồng với VNPT Tây Ninh để triển khai hệ thống mạng LAN đến từng phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học trực tuyến; đảm bảo cho phòng thực hành tin học được trang bị máy tính có kết nối mạng để phục vụ việc dạy và học thực hành môn tin học trong nhà trường.

- Thành lập Ban Công nghệ thông tin phụ trách công tác chuyển đổi số của nhà trường, nòng cốt là các giáo viên có chiều sâu về kiến thức, kỹ năng CNTT.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều giáo viên tích cực đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác chuyển đổi số.

Điểm yếu:

- Máy tính trang bị cho phòng thực hành môn Tin học của nhà trường đã cũ và hư hỏng nhiều.

- Nhà trường chưa có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục hỗ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) nên việc xây dựng các bài giảng điện tử và học liệu số còn hạn chế.

Tổng điểm nhóm tiêu chí 1: 94 điểm.

Đánh giá: đạt mức độ 3.

2. Nhóm Tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu

Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục” phân tích, đánh giá quá trình thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; triển khai phần mềm quản trị nhà trường; mức độ triển khai các dịch vụ trực tuyến.

Tiêu chí 2.1: Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Đây là điều kiện bắt buộc có.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của ngành Giáo dục về công tác chuyển đổi số, nhà trường đã triển khai xây dựng và ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số của Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha năm 2025 gồm có 06 thành viên [2.1_138].

2. Điểm mạnh

Việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số của trường có phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cụ thể cho từng thành viên cùng với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên giúp nhà trường triển khai tốt việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

3. Điểm yếu

Số lượng thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số của trường vừa ít vừa phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên phần nào tác động đến việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường tiếp tục rà soát, ra quyết định kiện toàn bổ sung thêm thành viên vào Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đảm bảo thực hiện hiệu quả.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng mạng internet đồng bộ, thiết bị, phần mềm thiết thực phục vụ cho chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 2.2: Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Đây là điều kiện bắt buộc có.

1. Mô tả hiện trạng

- Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của ngành Giáo dục về công tác chuyển đổi số, nhà trường đã triển khai xây dựng và ban hành các văn bản như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đối với công tác công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số và thống kê năm học 2024-2025 [1.1_2.2_255]; Kế hoạch chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2025 [2.2_139].

- Nhà trường có phối hợp với Phòng bán hàng Thành phố Tây Ninh – Trung tâm kinh doanh VNPT Tây Ninh xây dựng Kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT – chuyển đổi số giai đoạn năm học 2023-2025 [2.2].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản thực hiện công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường hầu hết đều tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy, công việc đạt hiệu quả tốt.

3. Điểm yếu

Một số nội dung, chỉ tiêu trong việc thực hiện chuyển đổi số đề ra trong kế hoạch đôi khi còn chậm trễ, chưa đạt kết quả như mong đợi như việc cập nhật dữ liệu chưa kịp thời lên hệ thống quản lý CBCCVC tỉnh Tây Ninh; việc quản lý văn bản và điều hành để trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng;...

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường đầu tư hạ tầng mạng internet đồng bộ, thiết bị, phần mềm thiết thực phục vụ cho chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường.

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường: tối đa 8 điểm.

- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập): tối đa 8 điểm.

- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử: tối đa 10 điểm (File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm).

- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV: tối đa 8 điểm.

- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất: tối đa 10 điểm.

- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh: tối đa 10 điểm.

- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán: tối đa 8 điểm.

- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý): tối đa 8 điểm.

- Đánh giá:

+ Mức độ 1: dưới 20 điểm.

+ Mức độ 2: từ 20-50 điểm.

+ Mức độ 3: trên 50 điểm (Tối đa 70 điểm).

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường có ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường năm học 2024 – 2025 [2.3.1].

- Nhà trường có hợp đồng với Trung tâm kinh doanh VNPT – Tây Ninh về cung cấp dịch vụ điểm danh thông minh [2.3.2].

- Nhà trường có ký kết với Trung tâm kinh doanh VNPT – Tây Ninh về việc cung cấp dịch vụ Hệ sinh thái Giáo dục số vnEdu (<https://vnedu.vn/>) bao gồm: có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) [2.3.2]; có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử áp dụng chứng thư số [2.3.3]; có triển khai phân

hệ quản lý đội ngũ CBVCNV [2.3.4]; có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh [2.3.6]. Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) [2.3.8].

- Nhà trường có sử dụng trang <https://qlcbccvc.tayninh.gov.vn/> để quản lý đội ngũ CBVCNV.

- Nhà trường có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất trên trang <https://qltsapp.misa.vn/> [2.3.5]; có triển khai phân hệ quản lý kế toán trên trang <https://mimosaapp.misa.vn/> [2.3.7].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã triển khai tốt các phần mềm, tiện ích trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; các phần mềm đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác, linh hoạt.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm phục vụ công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo an toàn thông tin và thực hiện nghiêm túc đúng quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của một số giáo viên, nhân viên đôi khi còn chậm trễ so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm trên cơ sở các phân hệ đang sử dụng, đảm bảo đúng quy định, an toàn; đồng thời tiếp tục nghiên cứu thêm các phân hệ khác và khai thác một cách có hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý, quản trị trong nhà trường.

- Quán triệt trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định; thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đầu tư nguồn kinh phí để duy trì nâng cấp các phần mềm hàng năm và công tác bảo đảm an toàn, an ninh các phần mềm trực tuyến dùng trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (70 điểm).

Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến.

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web): tối đa 8 điểm.

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: tối đa 12 điểm.

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt: tối đa 10 điểm.

- Đánh giá:

- + Mức độ 1: dưới 10 điểm.

- + Mức độ 2: từ 10-18 điểm.

+ Mức độ 3: trên 18 điểm (Tối đa 30 điểm).

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) thông qua khai thác ứng dụng vnEdu Connect trên điện thoại trong Hệ sinh thái Giáo dục số vnEdu; Zalo Official Account (Zalo OA) Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha tại <https://zalo.me/958805602728472580> [2.4.1].

- Nhà trường có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến tại <http://tuyensinh.giaoductayninh.vn/> [2.4.2].

- Nhà trường có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thông qua khai thác tiện ích thanh toán trực tuyến trên vnEdu [2.4.3].

2. Điểm mạnh

- Các ứng dụng vnEdu Connect, Zalo OA Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha có mức độ tự động trong việc kết nối giữa gia đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường; đạt tỉ lệ 100% cha mẹ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường; đạt tỉ lệ 100% hài lòng của cha mẹ học sinh với nhà trường;...

- Hệ thống phần mềm tuyển sinh đầu cấp trực tuyến có mức độ hoàn thiện tốt trong quá trình thực hiện, đảm bảo 100% việc đăng ký tuyển sinh đầu cấp bằng hình thức trực tuyến.

- Việc triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thực hiện tốt, thuận tiện, đạt 100% tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh do không rành công nghệ nên còn gặp một chút khó khăn trong việc khai thác, sử dụng các tiện ích của các ứng dụng vnEdu Connect, Zalo OA Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường định kỳ rà soát việc triển khai các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường; thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả hơn.

- Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để cha mẹ học sinh đáp ứng điều kiện cần thiết sử dụng các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường và ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (30 điểm)

KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điểm mạnh:

- Nhà trường đã kịp thời thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng

dụng CNTT, chuyển đổi số; ban hành các kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; triển khai được phần mềm quản trị nhà trường; đáp ứng được mức độ triển khai các dịch vụ trực tuyến trong nhà trường có hiệu quả.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm phục vụ công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo an toàn thông tin và thực hiện nghiêm túc đúng quy định của pháp luật.

Điểm yếu:

- Số lượng thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số của trường vừa ít vừa phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên phần nào tác động đến việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

- Một số nội dung, chỉ tiêu trong việc thực hiện chuyển đổi số đề ra trong kế hoạch đôi khi còn chậm trễ, chưa đạt kết quả như mong đợi.

Tổng điểm nhóm tiêu chí 2: 100 điểm

Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3.

Phần III
KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT, các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã xây dựng và ban hành các kế hoạch, quy chế, tổ chức tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2024-2025 và đã đạt kết quả bước đầu như sau:

- Tổng điểm nhóm tiêu chí 1: 94 điểm, đạt Mức độ 3.

- Tổng điểm nhóm tiêu chí 2: 100 điểm, đạt Mức độ 3.

Mức tự đánh giá của nhà trường: Đạt mức độ 3.

Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha trân trọng báo cáo kết quả tự đánh giá về chuyển đổi số và cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng trong báo cáo./.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Khắc Đức